

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 01- 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Trung.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Kiều T, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2020 chị Trần Kiều T trình bày: Chị và anh Lê Văn V kết hôn với nhau năm 2008, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn đã kéo dài mặt dù đã hàn gắn tuy nhiên không mang lại kết quả, hiện nay chị và anh Lê Văn V đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn V có 02 người con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2009 và Lê Trần Huyền T, sinh ngày 08/7/2015 hiện nay hai người con đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn V đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tổ tụng của Tòa án cho anh V và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Trần Kiều T có mặt bảo lưu quan điểm yêu cầu của mình, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Trần Kiều T và bị đơn anh Lê Văn V Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên anh V vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Văn V tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Kiều T và anh Lê Văn V được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh V được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu

thuần là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay chị T và anh V đã sống ly thân với nhau. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh V thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử chị T và anh V vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện nay chị T và anh V đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh V. Hôn nhân của chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Kiều T đối với anh Lê Văn V.

[4] Về con chung: Chị Trần Kiều T và anh Lê Văn V có 02 người con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 15/4/2009 và Lê Trần Huyền T, sinh ngày 08/7/2015 hiện nay đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu Tấn T và cháu Huyền T từ trước đến nay sống với chị T vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, mặt khác cháu Tấn T có nguyện vọng được sống với chị T do đó cần tiếp tục giao hai con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Trần Kiều T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Văn V tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Kiều T đối với anh Lê Văn V.

Giao hai người con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 15/4/2009 và Lê Trần Huyền T, sinh ngày 08/7/2015 hiện nay đang sống cùng chị T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Trần Kiều T.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Kiều T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006366 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

